

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bàn Cờ, TP.HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN
VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Chích, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : **CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)**
Địa chỉ : **Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh**
Loại mẫu : **Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải Công nghiệp của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (Sau Filter F-71 A/B) (NTgpp1)**
Ngày lấy mẫu : **13/06/2026**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) Kq=1; Kf=0,9	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a)	-	7,44	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023
2.	Nhiệt độ ^(a)	°C	28,5	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2023
3.	Clo dư ^(a)	mg/L	0	0 ÷ 5	2	SMEWW 4500-Cl.G:2023
4.	Độ màu ^(a)	Pt-Co	130	0 ÷ 500	150	HD-ĐN-N06
5.	TSS ^(a)	mg/L	8,54	3,73	90	TCVN 6625:2000
6.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	28,1	2,1	45	TCVN 6001-1:2021
7.	COD ^(a)	mg/L	64,6	3,0	135	SMEWW 5220C:2023
8.	Tổng Nito ^(a)	mg/L	2,73	0,969	36	TCVN 6638:2000
9.	Amoni ^(a)	mg/L	0,690	0,04	9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
10.	Florua ^(a)	mg/L	0,622	0,173	9	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023
11.	Xyanua ^(a)	mg/L	KPH	0,0023	0,09	TCVN 6181:1996

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bàn Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) Kq=1; Kf=0,9	Phương pháp thực hiện
12.	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH	0,0015	0,45	TCVN 6216:1996
13.	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,0825	0,016	5,4	SMEWW 4500-P.B&E:2023
14.	Dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	6,41	1,14	9	SMEWW 5520B&F:2023
15.	Cr (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,002	0,09	SMEWW 3500-Cr.B:2023
16.	Cr (III) ^(a)	mg/L	0,008	0,008	0,9	SMEWW 3500-Cr.B:2023
17.	Fe ^(a)	mg/L	0,986	0,018	4,5	SMEWW 3500-Fe.B:2023
18.	Mn ^(a)	mg/L	0,050	0,017	0,9	SMEWW 3111B:2023
19.	Cu ^(a)	mg/L	KPH	0,033	1,8	SMEWW 3111B:2023
20.	Zn ^(a)	mg/L	0,095	0,007	2,7	SMEWW 3111B:2023
21.	Ni ^(a)	mg/L	0,008	0,0015	0,45	SMEWW 3113B:2023
22.	Cd ^(a)	mg/L	0,001	0,00016	0,09	SMEWW 3113B:2023
23.	Pb ^(a)	mg/L	0,012	0,0018	0,45	SMEWW 3113B:2023
24.	As ^(a)	mg/L	KPH	0,002	0,09	SMEWW 3114C:2023
25.	Hg ^(a)	mg/L	KPH	0,00016	0,009	SMEWW 3112B:2023
26.	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	330	1,8	5.000	SMEWW 9221B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bần Cờ, TP.HCM
VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN
VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn ChíCh, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



Nguyễn Hữu Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bà Cờ, TP.HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN
VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Chích, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : **CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)**
Địa chỉ : **Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh**
Loại mẫu : **Nước thải sinh hoạt sau Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu nhà điều hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (Bể khử trùng của HTXL) (NTgpp2)**
Ngày lấy mẫu : **13/06/2026**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,1 ⁰ C)	-	7,17	2 ÷ 12	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023
2.	TDS ^(a)	mg/L	365	0 ÷ 1.999	1.000	HD-ĐN-N03
3.	TSS ^(a)	mg/L	27,5	3,73	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	16,8	2,1	50	TCVN 6001-1:2021
5.	Nitrat (tính theo N) ^(a)	mg/L	12,8	0,225	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
6.	Amoni (tính theo N) ^(a)	mg/L	1,82	0,04	10	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7.	Sulfua ^(a)	mg/L	0,153	0,04	4,0	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Phosphat (tính theo P) ^(a)	mg/L	2,88	0,02	10	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	1,14	20	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion ^(a)	mg/L	KPH	0,0136	10	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	230	1,8	5.000	SMEWW 9221B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bàn Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Ch, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bàn Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Chích, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 20/03/2026 : Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	CO ^(a)	HD-ĐN-KT05	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
2	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(a)		
	• NO	HD-ĐN-KT05	0 ÷ 4.920 mg/Nm ³
	• NO ₂	HD-ĐN-KT05	0 ÷ 940 mg/Nm ³
3	SO ₂ ^(a)	HD-ĐN-KT05	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
4	Bụi tổng (PM) ^(a)	US EPA 05	2,97 mg/Nm ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Điểm Đo	CO	NO _x (Tính theo NO ₂)	SO ₂	Bụi
Đơn vị	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
1. Khí thải máy nén khí K-01A/B của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (KTgpp1)	114	360	0	73,2
2. Khí thải máy nén khí K-02/03 của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (KTgpp2)	91,4	596	0	65,1
3. Khí thải máy phát điện dự phòng G-72 của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (KTgpp3)	320	345	0	186
QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) (Kp =1; Kv = 1)	1.000	850	500	200

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bàn Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vinceris 314)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bà Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : **CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa điểm lấy mẫu : **TRẠM PHÂN PHỐI KHÍ BÀ RỊA (BR)**

Địa chỉ : **Phường Long Hương, TP. Hồ Chí Minh**

Loại mẫu : **NTbr: Nước thải sinh hoạt tại hồ gas cuối cùng trước khi thoát ra môi trường tại BR**

Ngày lấy mẫu : **13/06/2026**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a)	-	6,90	2 ÷ 12	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023
2.	TDS ^(a)	mg/L	443	0 ÷ 1.999	1.000	HD-ĐN-N03
3.	TSS ^(a)	mg/L	54,2	3,73	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	8,82	2,1	50	TCVN 6001-1:2021
5.	Nitrat (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	0,225	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023
6.	Amoni (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	0,04	10	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7.	Sulfua ^(a)	mg/L	0,162	0,04	4,0	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Phosphat (tính theo P) ^(a)	mg/L	0,040	0,02	10	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	4,35	1,44	20	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion ^(a)	mg/L	KPH	0,0136	10	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	490	1,8	5.000	SMEWW 9221B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bàn Cờ, TP.HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN
VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Ch, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bà Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Ch, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-03-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa điểm lấy mẫu : TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ NHƠN TRẠCH (NT)
Địa chỉ : KCN Ông Kèo, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : NTnt: Nước thải sinh hoạt tại vị trí trước khi thải ra kênh rạch Muối tại NT
Ngày lấy mẫu : 13/06/2026

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a)	-	7,10	2 ÷ 12	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023
2.	TDS ^(a)	mg/L	301	0 ÷ 1999	1.000	HD-ĐN-N03
3.	TSS ^(a)	mg/L	12,3	3,73	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	30,3	2,10	50	TCVN 6001-1:2021
5.	Nitrat (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	0,225	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023
6.	Amoni (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	0,04	10	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7.	Sulfua ^(a)	mg/L	0,324	0,04	4,0	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Phosphat (tính theo P) ^(a)	mg/L	0,045	0,02	10	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,56	1,44	20	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion ^(a)	mg/L	KPH	0,0136	10	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	40	1,8	5.000	SMEWW 9221B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bàn Cờ, TP.HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN

VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chíich, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0002-06/26-03-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bàn Cờ, TP.HCM
VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, VN
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP.HN, VN
VP Đà Nẵng: 87 Nguyễn Chí Ch, P. Thanh Khê, TP Đà Nẵng, VN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-07/26-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CHI NHÁNH KHÍ ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 17/07/2026 : Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Hydrocacbon ^(A)	CEN/TS 13649:2014	0,01 mg/Nm ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Điểm Đo	Hydrocacbon
Đơn vị	mg/Nm ³
1. Khí thải máy nén khí K-01A/B của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (KTgpp1)	0,192
2. Khí thải máy nén khí K-02/03 của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (KTgpp2)	0,329
3. Khí thải máy phát điện dự phòng G-72 của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố GPP (KTgpp3)	0,214
QCVN 20:2009/BTNMT	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Kiểm Nghiệm Thực Phẩm và Môi Trường Navitek, Vincerts 304)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dương